

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 735/2018/DS-ST

Ngày: 20-11-2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Ông Đặng Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; Địa chỉ: 130 đường P, Phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 18/QĐ-DABQ10 ngày 18/01/2018). (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phí Nhan V, sinh năm 1972; Địa chỉ: 128A đường T, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 07/4/2009, ông Phí Nhan V (sau đây gọi tắt là ông V) có ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng D Bank và ngày 15/4/2009, ông V có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng D Bank (sau đây gọi tắt là hợp đồng) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là ngân hàng Đ). Căn cứ vào thu nhập của ông V, Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng thẻ cho ông V là 30.000.000 đồng, thời hạn từ 13/4/2009 đến ngày 30/4/2010. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông V thanh toán tốt. Sau đó, do ông V ngừng thanh toán theo thỏa thuận nên ngày 30/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay ngân hàng Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông V

thanh toán các khoản tạm tính đến ngày 24/12/2016 gồm: Nợ gốc 22.786.055 đồng, lãi 34.875.330 đồng, phí phát sinh 205.530.970 đồng.

Bị đơn - ông Phí Nhan V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ngân hàng Đ yêu cầu ông V thanh toán số tiền nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 20/11/2018 là 275.086.676 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 21/11/2018 cho đến khi ông V thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng của ngân hàng Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tphát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là ngân hàng Đ) tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Phí Nhan V; ông V thường trú tại quận Tân Bình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tư cách tham gia tố tụng:

Xét Giấy ủy quyền số 18/QĐ-DABQ10 ngày 18/01/2018 của Ngân hàng Đ là ủy quyền hợp lệ nên ông Võ Ngọc H có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Phí Nhan V đến Tòa để trình bày ý kiến; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D Bank thì ông V cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc

sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp. Theo đó, ông V phải thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc, lãi và phí nếu không thanh toán đúng hạn cho ngân hàng.

Căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 22.786.055 đồng. Trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã thông báo về việc giải quyết số nợ nói trên nhưng bị đơn không thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền gốc 22.786.055 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi và các khoản phí sử dụng thẻ, thấy:

Tại Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”. Xét thấy, đến kỳ hạn trả nợ nhưng phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng tín dụng sang quá hạn từ ngày 30/4/2010 là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn tại Điều 8 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/4/2009.

Theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”

Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên Ngân hàng Đ là tổ chức tín dụng thực hiện việc cho vay bằng tiền đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 1718/QĐ-DAB ngày 23/12/2009 về việc lãi suất cho vay bằng Việt Nam Đồng của Ngân hàng D thì lãi suất phát sinh dư nợ của chủ thẻ tín dụng là 18%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là 27%/năm. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 22.786.055 đồng, lãi quá hạn: 24.335.507 đồng, phí sử dụng thẻ: 205.530.970 đồng, tổng cộng số tiền 275.086.676 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Phí Nhan V phải chịu toàn bộ án phí 13.754.333 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

Buộc ông Phí Nhan V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng D Bank ngày 15/4/2009, tổng cộng là 275.086.676 (hai trăm bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 22.786.055 (hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn không trăm năm mươi lăm) đồng, lãi quá hạn 24.335.507 (hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm lẻ bảy) đồng, phí dịch vụ sử dụng thẻ 205.530.970 (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi ngàn chín trăm bảy mươi) đồng.

Ông Phí Nhan V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/11/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng DongA Bank ngày 15/4/2009 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Phí Nhan V phải nộp là 13.754.333 (mười ba triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn lại 6.579.809 (sáu triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm lẻ chín) đồng tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003750 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B.

3/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hoàng Mai